

Bản án số: 199/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2024

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Khanh

2. Bà Bùi Thị Hào

- **Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Hoàng Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109//2024TLST-HNGĐ ngày 08/4/2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hà Q

Địa chỉ: xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

(Có mặt ông Q)

- **Bị đơn:** Bà Đào Thị Minh T

Địa chỉ: phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội.

(Vắng mặt bà T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Hà Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đào Thị Minh T tự nguyện tìm hiểu, yêu nhau và đăng ký kết hôn ngày 24/10/2001 của UBND xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bên không tìm được tiếng nói chung, bất đồng mọi mặt trong quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng sâu sắc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, mỗi người ở một nơi.

Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Đào Thị Minh T để mỗi người sớm ổn định cuộc sống của mình.

- Về con chung: chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Hà Đức A và Nguyễn Hà Nhật Q, hiện cả hai cháu đều sống cùng mẹ. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì tôi đồng ý giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để tránh sự sáo trộn trong cuộc sống và học tập.

- Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Đào Thị Minh T xác nhận lời khai của ông Q về quá trình kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng, bà T trình bày ngay sau khi kết hôn thì vợ chồng đã không hạnh phúc, năm 2005 vợ chồng đã ly thân đến năm 2008 thì nối lại quan hệ nhưng mâu thuẫn vẫn không được cải thiện mà nay càng trầm trọng. Năm 2009 thì bà T và ông Q đã sống ly thân cho đến nay mỗi người một nơi, ông Q ở đâu bà T cũng không biết.

Nay ông Q xin ly hôn, bà T cũng đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn.

- Về con chung: bà T xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hà Đức A (sinh ngày 09/11/2002) và Nguyễn Hà Nhật Q (sinh ngày 08/9/2008). Bà T có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Q thành niên.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Ông Q giữ quan điểm đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với bà Đào Thị Minh T; đồng ý giao con chung là Nguyễn Hà Nhật Q cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Q nhận trách nhiệm cấp dưỡng con chung với mức 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Q thành niên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa. Về phía các đương sự đều chấp hành nghĩa vụ tố tụng trong quá trình giải quyết.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28 Khoản 1 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 của UBTVQH, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hà Q, cho ông Q được ly hôn với bà Đào Thị Minh T; giao cháu Nguyễn Hà Nhật Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận tự nguyện của ông Q cấp dưỡng nuôi con với bà T là 5.000.000đ/tháng; đối với

anh Nguyễn Hà Đức A đã thành niên nên ở với ai tùy anh Đức A quyết định; tài sản chung không xem xét; ông Q có nghĩa vụ nộp án phí DSST không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn, bị đơn có địa chỉ tại địa bàn quận Long Biên, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Đào Thị Minh T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hà Q:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đào Thị Minh T và ông Nguyễn Hà Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số XXX ngày 24/10/2001 tại UBND xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự thì có đủ cơ sở xác định giữa ông Nguyễn Hà Q và bà Đào Thị Minh T có mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã hơn 10 năm, mỗi người ở một nơi và có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Bà T đồng ý với quan điểm xin ly hôn của ông Q nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng và không có cơ hội hoà giải, khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà T là có thật và đã thật sự trầm trọng, cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của ông Q, cho ông Q được ly hôn với bà T là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* căn cứ hồ sơ vụ án thì ông Nguyễn Hà Q và bà Đào Thị Minh T có hai con chung là Nguyễn Hà Đức A (sinh năm 2002) và Nguyễn Hà Nhật Q (sinh ngày 08/9/2008).

Xét đề nghị của ông Q về việc đồng ý giao cháu Q cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với thực tế, đúng với nguyên

vọng, mong muốn của bà T và cháu Q, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, ông Q đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T huỷ, nên ghi nhận sự tự nguyện của ông Q với mức cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ/tháng,

Đối với anh Đức A đã thành niên và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng đối với con đã thành niên, do vậy Toà án không xem xét, giải quyết vấn đề nuôi con, cấp dưỡng nuôi con đối với con chung là anh Nguyễn Hà Đức A.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Toà án không xem xét.

[3] Về án phí, quyền kháng cáo:

- Ông Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, các Điều 227, 228, 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82, 83, 88 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hà Q:

Ông Nguyễn Hà Q được ly hôn với bà Đào Thị Minh T.

2. Về con chung:

Ông Nguyễn Hà Q và bà Đào Thị Minh T có hai con chung là Nguyễn Hà Đức A (sinh năm 2002) và Nguyễn Hà Nhật Q (sinh ngày 08/9/2008).

Giao cháu Nguyễn Hà Nhật Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T với mức cấp dưỡng hàng tháng là 5.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi cháu Q thành niên hoặc khi có khi có sự thay đổi khác.

Ông Nguyễn Hà Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Đối với anh Nguyễn Hà Đức A đã thành niên và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng đối với con đã thành niên, do vậy Toà án không xem xét.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về án phí: Ông Nguyễn Hà Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0018628 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Ông Q đã nộp đủ án phí.

5. Ông Nguyễn Hà Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đào Thị Minh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Long Biên,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh